

Bản án số: 60/2023/DS-ST
Ngày 31-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng thi công
xây dựng công trình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bảo Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Thanh Tâm

Ông Nguyễn Thanh Rực

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiền-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lâm Hoàng Nha-Kiểm sát viên.

Ngày 31-8-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2023/TLST-DS ngày 24-5-2023 về “Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng công trình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2023/QĐXXST-DS ngày 24-7-2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 234 Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Ông Trần Quốc D, sinh năm 1955; Địa chỉ: Số 92 đường T, Khóm D, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn H (sau đây viết tắt là Công ty H); Địa chỉ trụ sở công ty: Ấp 4, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1959-Giám đốc Công ty H; Nơi cư trú hiện tại: L19, đường số 9, Công ty 8, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên

tòa, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày:

Sau khi tiến hành đối chiếu công nợ giữa ông Nguyễn Minh C với ông Nguyễn Văn T là người đại diện theo pháp luật của Công ty H về việc thanh toán tiền cải tạo đường và hệ thống thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng ở khu LIA 1, hạng mục “Công trình Mở rộng, nâng cấp đô thị Việt Nam-Tiểu dự án thành phố S, tỉnh Sóc Trăng” tại Hợp đồng xây dựng lập ngày 04-01-2021 (kèm theo phụ lục bảng giá hợp đồng) thì các bên đã thống nhất ông T xác nhận nợ theo hồ sơ thanh toán ký lần 01 ngày 29-9-2021 giữa Công ty H và ông Nguyễn Minh C với số tiền theo bảng giá trị đề nghị thanh toán là 966.160.000 đồng.

Công ty H mà người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn T đồng ý thanh toán nợ cho ông Chung đến hết ngày 30-6-2023 chia làm 03 kỳ thanh toán, cụ thể như sau: Kỳ thứ nhất (đợt 01), trong khoảng thời gian từ ngày 13-5-2022 đến ngày 30-12-2022 số tiền là 300.000.000 đồng; Kỳ thứ hai (đợt 02), trong khoảng thời gian từ ngày 01-01-2023 đến ngày 30-3-2023 số tiền là 300.000.000 đồng; Kỳ thứ ba (đợt 03), trong khoảng thời gian từ ngày 01-4-2023 đến ngày 30-6-2023 số tiền là 366.160.000 đồng.

Tuy nhiên, sau khi ký kết thỏa thuận nêu trên thì ông T có chuyển thanh toán nợ cho ông C số tiền là 50.000.000 đồng. Nhưng cho đến nay đã quá thời hạn thanh toán nợ theo thỏa thuận, ông T cũng như Công ty H vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông C theo nội dung Biên bản xác nhận nợ ngày 13-5-2022 tại Công an tỉnh Sóc Trăng.

Nay ông C yêu cầu giải quyết buộc Công ty H trả lại số tiền nợ là 916.160.000 đồng. Ngoài ra, chỉ yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 13-5-2022 đến ngày 13-8-2023 theo mức lãi suất 10%/năm, với số tiền là 916.160.000 đồng x 10%/năm x 15 tháng = 114.515.419 đồng.

Đối với bị đơn sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật, còn bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa, bị đơn là Công ty H mà người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có người đại diện tham gia phiên tòa nên căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Minh C yêu cầu Công ty H có trụ sở tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nợ thi công công trình trong hợp đồng xây dựng nên quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng công trình và Tòa án nhân dân huyện Long Phú đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 140, Khoản 8 Điều 146 của Luật Xây dựng.

[3]. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu Công ty H trả lại số tiền nợ gốc là 916.160.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 13-5-2022 đến ngày 13-8-2023, với mức lãi suất 10%/năm. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Đối với bị đơn sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn nhưng phía bị đơn không có ý kiến trực tiếp hay gửi văn bản cho Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cử người đại diện hợp pháp tham gia phiên họp và phiên hòa giải nên điều này cho thấy bị đơn đã tự từ chối quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như trình bày ý kiến để phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do đó, căn cứ Khoản 2, Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”* và *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo những chứng cứ, tài liệu đã được thu thập được có trong hồ sơ vụ án cũng như công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có giá trị dùng làm chứng cứ để giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 93; Điều 95 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[5]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[5.1]. Tại Biên bản xác nhận nợ lập ngày 13-5-2022 tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra-Công an tỉnh Sóc Trăng thì ông Nguyễn Minh C với ông T là người đại diện theo pháp luật cho Công ty H đã thống nhất và thừa nhận qua đối chiếu bảng

giá đề nghị thanh toán ngày 28-9-2021 thể hiện công ty còn nợ ông C số tiền thi công xây dựng công trình là 966.160.000 đồng và ông T cam kết thanh toán chia làm 03 đợt, cụ thể: Kỳ thứ nhất (đợt 01), trong khoảng thời gian từ ngày 13-5-2022 đến ngày 30-12-2022 số tiền là 300.000.000 đồng; Kỳ thứ hai (đợt 02), trong khoảng thời gian từ ngày 01-01-2023 đến ngày 30-3-2023 số tiền là 300.000.000 đồng; Kỳ thứ ba (đợt 03), trong khoảng thời gian từ ngày 01-4-2023 đến ngày 30-6-2023 số tiền là 366.160.000 đồng.

Căn cứ nội dung trên là phù hợp với lời trình bày của ông C nên có đủ cơ sở để khẳng định thực tế giữa ông C với Công ty H có tham gia giao kết hợp đồng xây dựng thi công công trình và hiện nay Công ty H vẫn còn nợ ông C tiền thi công theo hợp đồng xây dựng đã ký nên đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh.”*

[5.2]. Xét việc thỏa thuận giao kết giữa ông C với Công ty H tại Hợp đồng xây dựng lập ngày 04-01-2021 Gói thầu ST-XL01: cải tạo đường và hệ thống thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng ở khu LIA 1, hạng mục công trình mở rộng, nâng cấp đô thị Việt Nam-Tiểu Dự án thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (kèm theo phụ lục bảng giá hợp đồng) do ông T là người đại diện hợp pháp của công ty được giao kết trên cơ sở tự nguyện, tại thời điểm giao kết mục đích và nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 116, Điều 117; Điều 385; 398; Điều 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 138, Điều 139, Điều 141 của Luật Xây dựng. Do đó, hợp đồng xây dựng về thi công công trình nêu trên là hợp pháp, các bên tham gia giao kết đều có quyền, nghĩa vụ như nhau khi tham gia giao kết nên phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng.

[5.3]. Ngoài ra, trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên không có khiếu nại gì về chất lượng, số lượng, chi phí, giá thiết bị hay tiến độ thi công công trình, cũng như đã được các bên đã tiến hành nghiệm thu ngày 29-9-2021 và ông C đã bàn giao công trình cho Công ty H đúng theo quy định tại Điều 123, Điều 124 của Luật Xây dựng.

Tuy nhiên, đến nay Công ty H còn nợ ông C số tiền thi công công trình là 916.160.000 đồng (đã thanh toán được số tiền là 50.000.000 đồng) thể hiện tại biên bản xác nhận nợ ngày 13-5-2022 có chữ ký của ông Thi là người đại diện theo pháp luật cho công ty nên theo quy định tại khoản 1 Điều 87 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì *“Pháp nhân phải chịu trách nhiệm dân sự về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện nhân danh pháp nhân”*. Do đó, Công ty H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán hợp đồng quy định tại Điều 144 của Luật Xây dựng; Điều 6 của Hợp đồng xây dựng đã ký nên ông C yêu cầu Công ty H thanh toán số tiền nợ thi công công trình là có cơ sở.

[5.4]. Về tiền lãi: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 13-5-2022 (ngày vi phạm thỏa thuận thanh toán nợ) cho đến ngày 13-8-2023 với mức lãi suất 10%/năm, với số tiền là 114.515.419 đồng. Xét thấy, việc nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 13-5-2022 đến ngày 13-8-2023 là hoàn toàn tự nguyện, hơn nữa do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ và mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu cũng phù hợp với quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những căn cứ và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 92; Khoản 1 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 87; Điều 116, Điều 117; Điều 357; Điều 385; Điều 398; Điều 401; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 138; Điều 139; Khoản 2 Điều 140; Điều 141; Điều 144; Khoản 8 Điều 146 của Luật Xây dựng.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Minh C về việc tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng công trình với bị đơn là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn H.

2. Buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn H thanh toán cho ông Nguyễn Minh C tổng số tiền là 1.030.675.419 đồng (*bao gồm: tiền gốc là 916.160.000 đồng và tiền lãi là 114.515.419 đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Nguyễn Minh C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong thì hàng tháng Công ty Trách nhiệm Hữu hạn H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn H phải chịu là 42.920.263 đồng.

Hoàn trả ông Nguyễn Minh C số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 20.567.400 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006931 ngày 22-5-2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Bảo Quốc

